

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HS-ST  
Ngày: 16-01-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Độ.

Ông Nguyễn Văn Hoà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2023/QĐST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Vừ Mí D, sinh năm 1996 tại Hà Giang; hộ khẩu thường trú: thôn P, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: H'Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ Mí M và bà Vừ Thị S; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 14-09-2023 cho đến nay, có mặt.

**- Bị hại:** Ông Hầu Mí S1, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

+ Ông Vương Văn N, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13/9/2023, Vũ Mí D đến phòng trọ số B, nhà trọ T1, thuộc ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương gặp Hầu Mí S1 để mượn tiền. Đến nơi, thấy cửa phòng trọ của S1 không khóa nên D đẩy cửa phòng nhìn vào trong thấy ông S1 đang nằm ngủ nên D lén lút đi vào bên trong phòng trọ, dùng tay kéo mở khóa chiếc ba lô của S1 để dưới nền nhà, phát hiện bên trong có số tiền 4.800.000 đồng sau đó bỏ vào túi quần bên phải đang mặc trên người và đi về phòng trọ của mình. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, D ra quán C thuộc ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương dùng số tiền 2.000.000 đồng để chuộc lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo mà trước đó D cầm cố cho anh Vương Văn N. Sau đó, D gặp Nguyễn Thanh H để chuộc lại căn cước công dân với số tiền 1.200.000 đồng. Sau đó, D sử dụng số tiền 350.000 đồng để mua đồ ăn và tiêu xài cá nhân, còn lại 1.250.000 đồng khi bị Cơ quan điều tra mời lên làm việc, D đã tự nguyện giao nộp và thừa nhận hành vi.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Mí D đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Vũ Mí D đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Vật chứng thu giữ trong vụ án: số tiền 1.200.000 đồng do Nguyễn Thanh H giao nộp, 2.000.000 đồng do Vương Văn N giao nộp, 1.250.000 đồng do Vũ Mí D giao nộp theo các Biên bản giao nhận tiền ngày 14-9-2023.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã: trả lại cho bị hại là ông Hầu Mí S1 số tiền 4.450.000 đồng theo Biên bản trả lại tài sản ngày 14-9-2023, số tiền 350.000 đồng còn lại bị hại là ông Hầu Mí S1 không yêu cầu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản là số tiền 4.450.000 đồng, số tiền 350.000 đồng còn lại bị hại là ông Hầu Mí S1 không yêu cầu bị cáo trả lại và không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vương Văn N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Thanh H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.200.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

- Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 114/CT-VKSBB ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Vừ Mí D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T mức án: từ 06 đến 08 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản là số tiền 4.450.000 đồng, số tiền 350.000 đồng còn lại bị hại là ông Hầu Mí S1 không yêu cầu bị cáo trả lại và không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vương Văn N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Thanh H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.200.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về quyết định truy tố, trình bày luận tội của Viện Kiểm sát.

Bị cáo Vừ Mí D nói lời sau cùng: bị cáo đã biết hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vừ Mí D đã khai nhận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13-9-2023, tại ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương bị cáo Vừ Mí D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 4.800.000 đồng của bị hại là ông Hầu Mí S1. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Vừ Mí D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết việc lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hậu quả là bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại số tiền là 4.800.000 đồng. Vì tham lam tư lợi, muốn hưởng thụ nhưng lười lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời cũng nhằm phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Ông Vương Văn N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng đã nhận, bị cáo đồng ý trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vương Văn N số tiền 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 106, Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Vừ Mí D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vừ Mí D: 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 9 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Buộc bị cáo Vũ Mí D trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vương Văn N số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

3. Về án phí: bị cáo Vũ Mí D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công TTĐT TANDTC (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Dũng**